

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG WINDOWS XP

Mục lục

Bài 1: Giới thiệu hệ điều hành Windows XP	3
1. Cách sử dụng chuột và bàn phím	3
1.1. <i>Sử dụng chuột</i>	3
2. Một số thành phần giao diện cơ bản của Windows XP	4
2.1. <i>Thực đơn Start và thanh tác vụ (Taskbar)</i>	4
2.1.1. Thực đơn Start	4
2.1.2. Thanh tác vụ (Taskbar).....	5
2.1.3. Tắt máy	5
2.2. <i>Các thành phần của một cửa sổ</i>	6
2.3. <i>Màn hình nền (Desktop)</i>	7
2.3.1. Sắp xếp các biểu tượng.....	8
2.3.2. Đổi tên biểu tượng	8
2.3.3. Xoá biểu tượng	8
3. Các thiết bị lưu trữ, thư mục, tệp tin	9
3.1. <i>Xem thông tin về ổ đĩa</i>	9
3.2. <i>Xem thông tin về thư mục</i>	10
Bài đọc thêm 1: Giới thiệu về máy tính	11
1. Cấu tạo cơ bản của máy tính	11
2. Đơn vị đo thông tin.....	11
3. Một số khái niệm cơ bản trong tin học	11
4. Một số hệ điều hành thông dụng	12
Bài 2: Sử dụng chương trình Windows Explorer	14
 Tìm kiếm thư mục, tệp tin	14
1. Sử dụng chương trình Windows Explorer	14
1.1. <i>Khởi động chương trình</i>	14
1.2. <i>Giao diện của chương trình Windows Explorer</i>	14
2. Thao tác với thư mục và tệp tin trong chương trình Windows Explorer	16
2.1. <i>Lựa chọn thư mục, tệp tin</i>	16
2.2. <i>Tạo mới, đổi tên, xóa, sao chép, di chuyển thư mục và tệp tin</i>	16
2.2.1. Tạo thư mục mới	16
2.2.2. Tạo tệp văn bản (Text file).....	16
2.2.3. Đổi tên thư mục và tệp tin	17
2.2.4. Sao chép thư mục, tệp tin	17
2.2.5. Di chuyển thư mục, tệp tin	17
2.2.6. Xoá thư mục, tệp tin	18
2.2.7. Khôi phục thư mục, tệp tin đã bị xoá	18
3. Tìm kiếm thư mục, tệp tin trong máy tính	18
Bài đọc thêm 2: Quản lý thanh tác vụ và màn hình nền	20
1. Thiết lập các tùy chọn cho thanh tác vụ và thực đơn Start	20
1.1. <i>Tùy biến thanh tác vụ</i>	20
1.2. <i>Tùy biến thực đơn Start</i>	21
1.2.1. Thiết lập riêng cho kiểu Start menu	21
1.2.1.1. Các thiết lập thông thường (General).....	21
1.2.1.1. Các thiết lập nâng cao (Advanced)	22
1.2.1. Thiết lập riêng cho kiểu Classic Start menu	23
2. Làm việc với các Shortcut (lối tắt đến chương trình)	23
2.1. <i>Tạo Shortcut trên nền Desktop</i>	23
2.2. <i>Tạo Shortcut cho các chương trình chạy vào lúc khởi động Windows</i>	24
Bài 3: Control panel	26
1. Giới thiệu Control panel.....	26
2. Thay đổi giao diện của Windows.....	27
2.1. <i>Thay đổi hiệu ứng âm thanh cho các sự kiện trong Windows</i>	28

2.2. Quản lý tài khoản người sử dụng	29
2.3. Thay đổi các thiết lập vùng, ngày tháng.....	30
2. Cài đặt và gỡ bỏ phần mềm.....	31
2.1. Cài đặt phần mềm	31
2.2. Gỡ bỏ phần mềm	31
Bài đọc thêm 3: Tối ưu hoá hoạt động của máy tính.....	33
1. Làm sạch ổ đĩa (Disk Cleanup).....	33
2. Tắt các ứng dụng bị treo.....	34

Bài 1: Giới thiệu hệ điều hành Windows XP

Giới thiệu các chức năng chính của Windows XP

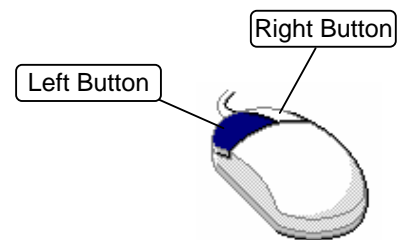
Windows XP là hệ điều hành máy tính dùng cho máy tính cá nhân. Hệ điều hành này là sản phẩm của tập đoàn Microsoft (Mỹ). Đây là sản phẩm được đánh giá cao và đang được nhiều người sử dụng nhất trên thế giới hiện nay. Windows XP là hệ điều hành quản lý và điều khiển toàn bộ các hoạt động của máy tính. Khác với một số hệ điều hành máy tính trước đây, Windows XP có nhiều công cụ hỗ trợ làm việc thông minh và ưu việt hơn so với các hệ điều hành trước đây như Windows XP, Windows 2000.

Windows XP là hệ điều hành đa nhiệm với giao diện đồ họa thân thiện hiện đang được rất nhiều người sử dụng. Trong một khuôn khổ hạn chế, chúng tôi chỉ có thể giới thiệu một số khái niệm cơ bản của hệ điều hành này.

1. Cách sử dụng chuột và bàn phím

1.1. Sử dụng chuột


Trong quá trình làm việc với Windows, thiết bị chuột giúp bạn thao tác nhanh hơn và tiện lợi hơn với các đối tượng trong Windows. Chuột thường gồm 2 hoặc 3 phím bấm. Thông thường, chúng ta thường sử dụng nút bên trái (Left) và nút bên phải (Right) nhiều nhất.




Có năm thao tác cơ bản khi sử dụng chuột được liệt kê trong bảng dưới đây:

Thao tác	Chức năng thực hiện
<i>Chọn một đối tượng</i>	<i>Kích chuột (Click)</i> : Trỏ chuột vào đối tượng và bấm nút trái chuột
<i>Mở một đối tượng</i>	<i>Kích đúp (Double – Click)</i> : Trỏ chuột vào đối tượng và bấm đúp nút trái (bấm nhanh 2 lần liên tiếp)
<i>Chọn một vùng</i>	Nhấn và giữ phím Shift trên bàn phím, đồng thời bấm nút trái vào đối tượng đầu và đối tượng cuối trong vùng
<i>Chọn nhiều đối tượng</i>	Nhấn và giữ phím Ctrl trên bàn phím, đồng thời lần lượt bấm nút trái vào các đối tượng cần chọn
<i>Kéo và thả</i>	<i>Drag and Drop</i> : Trỏ chuột vào đối tượng, bấm nút trái và giữ nguyên nút bấm, đồng thời rê chuột tới vị trí mới và thả nút bấm ra

2.1. Sử dụng bàn phím

Sử dụng phím	Chức năng thực hiện
<i>Windows key</i> : 	Kích hoạt menu start
<i>Ctrl + ESC</i>	Kích hoạt menu start

<i>Application key:</i> 	Kích hoạt nhanh Shortcut menu
<i>ALT + F4</i>	Đóng cửa sổ hiện thời hoặc kết thúc một chương trình
<i>CTRL + F4</i>	Đóng cửa sổ hiện thời trong một chương trình với giáo diện tài liệu đa cửa sổ (MDI)
<i>CTRL + C</i>	Sao chép đối tượng vào Clipboard
<i>CTRL + X</i>	Cắt đối tượng vào Clipboard
<i>CTRL + V</i>	Dán đối tượng từ Clipboard
<i>CTRL + Z</i>	Hủy bỏ (Undo) lệnh, thao tác vừa thực hiện
<i>CTRL + A</i>	Chọn tất cả các đối tượng
<i>DELETE</i>	Xoá các đối tượng đang chọn
<i>BACKSPACE</i>	Quay về cấp thư mục cao hơn
<i>ENTER</i>	Double Click
<i>F1</i>	Hiển thị cửa sổ trợ giúp của Windows
<i>F10</i>	Kích hoạt menu trong chương trình
<i>TAB</i>	Di chuyển qua lại giữa các đối tượng
<i>SHIFT + TAB</i>	Lùi về các đối tượng vừa chuyển qua trước đó
<i>ALT + TAB</i>	Chuyển tới cửa sổ vừa sử dụng trước đó
<i>ALT + SPACE</i>	Kích hoạt hộp điều khiển cửa sổ

2. Một số thành phần giao diện cơ bản của Windows XP

2.1. Thực đơn Start và thanh tác vụ (Taskbar)

2.1.1. Thực đơn Start

Nút Start và thanh tác vụ thường nằm ngang dưới đáy màn hình sau khi khởi động Windows. Thông thường, thanh Taskbar được đặt ở chế độ luôn luôn nhìn thấy được.

Kích chuột vào nút start, thực đơn start xuất hiện với các nhóm chức năng cần thiết cho bạn để bắt đầu sử dụng Windows. Thực đơn này sẽ thay đổi với từng máy tính khác nhau tùy thuộc vào số lượng các chương trình được cài đặt trong máy. Tuy nhiên thực đơn này luôn luôn có những thành phần cơ bản nhất định như hình bên trên.

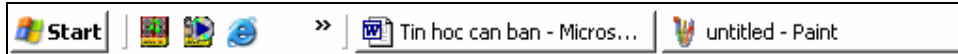
Đối với Windows XP, thực đơn Start được chia thành 2 cột. Cột bên trái chứa



các chương trình vừa được sử dụng trước đó.

2.1.2. Thanh tác vụ (Taskbar)

Khi thực hiện một chương trình hoặc mở một cửa sổ, bạn sẽ thấy xuất hiện trên thanh Taskbar một nút thể hiện chương trình hoặc cửa sổ mà bạn đang mở. Tại một thời điểm, có thể có nhiều cửa sổ được mở để làm việc. Bạn có thể chuyển tới các cửa sổ khác nhau bằng cách kích chuột vào các nút trên thanh Taskbar.

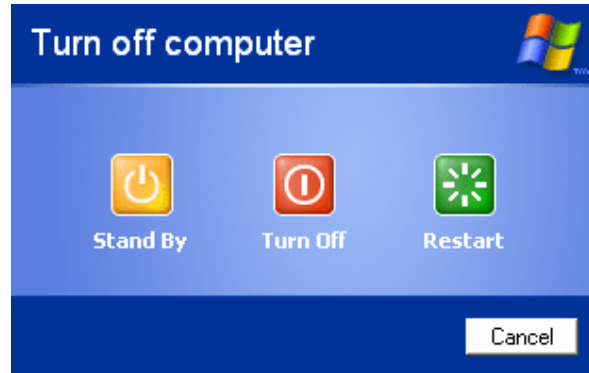


2.1.3. Tắt máy

Để kết thúc làm việc với Windows, bạn hãy thực hiện theo các bước sau:

- ▶ Kích chuột vào nút Start và chọn Turn off Computer, một hộp thoại xuất hiện (hình bên).
- ▶ Kích tiếp chuột vào nút Turn Off

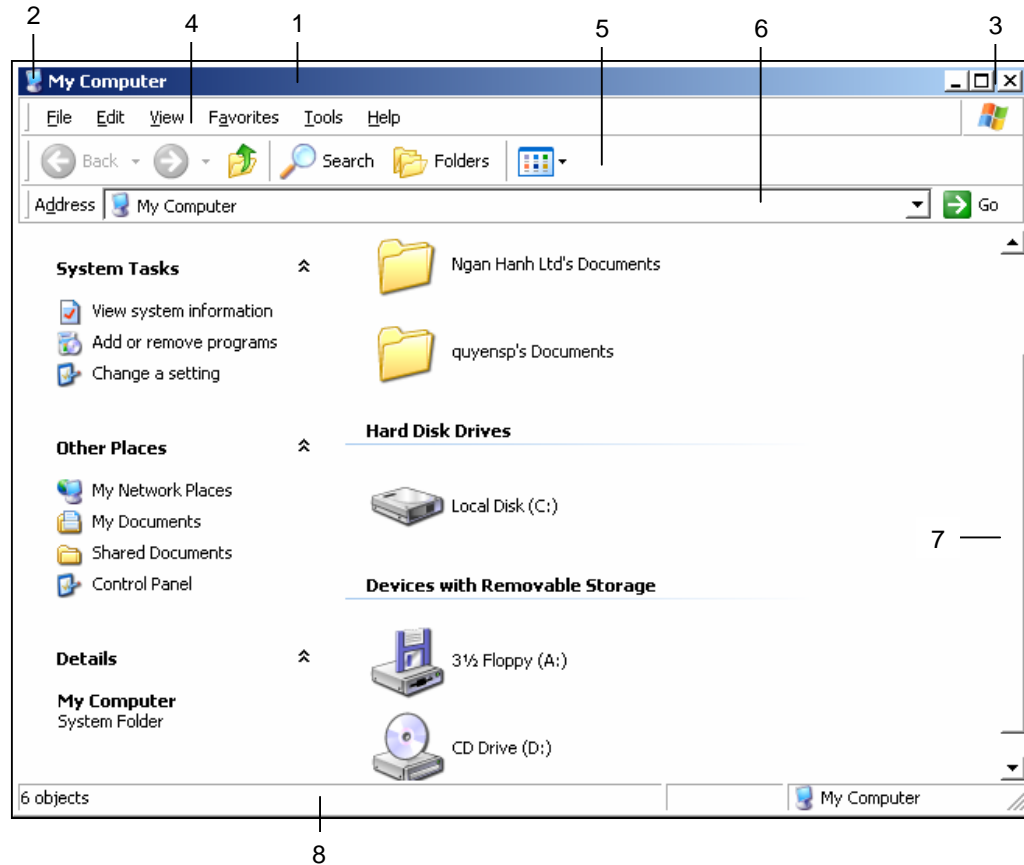
Một số tùy chọn khác trong hộp thoại:



<i>Nút lệnh</i>	<i>Ý nghĩa</i>
<i>Stand By</i>	Tạm ngưng làm việc với máy tính. Các trạng thái đang làm việc sẽ được Windows khôi phục lại khi bạn bật máy.
<i>Retstart</i>	Khởi động lại máy

2.2. Các thành phần của một cửa sổ


Thông thường, một cửa sổ của Windows gồm một số thành phần chính sau:

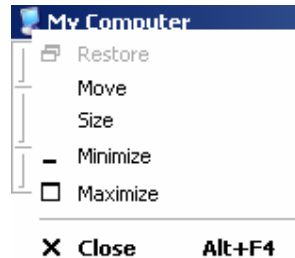


Stt	Thành phần	Ý nghĩa
1	Thanh tiêu đề	Chứa tên của chương trình hoặc cửa sổ đang mở
2	Hộp điều khiển (Control box)	Nằm trên thanh tiêu đề, là biểu tượng của cửa sổ chương trình
3	Nút điều khiển	Nằm trên thanh tiêu đề, làm nhiệm vụ đóng cửa sổ, phóng to, thu nhỏ, khôi phục kích thước cửa sổ
4	Thanh menu (Menu bar)	Chứa các nhóm lệnh của cửa sổ chương trình
5	Thanh công cụ (Toolbar)	Chứa các nút lệnh thông dụng của cửa sổ chương trình
6	Thanh địa chỉ (Address Bar)	Chứa địa chỉ hoặc đường dẫn của đối tượng hiện thời
7	Thanh cuộn dọc (Vertical Scroll Bar)	Nếu nội dung của cửa sổ không đủ hiển thị theo chiều dọc trong phạm vi của cửa sổ chương trình thì thanh cuộn dọc sẽ xuất hiện giúp bạn xem các phần bị che khuất

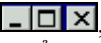
<i>Stt</i>	<i>Thành phần</i>	<i>Ý nghĩa</i>
------------	-------------------	----------------

8	<i>Thanh trạng thái (Status bar)</i>	Nằm ở dưới cùng của cửa sổ, thông báo trạng thái hiện thời của cửa sổ chương trình
---	--------------------------------------	--

- *Hộp điều khiển* , kích chuột vào hộp điều khiển sẽ xuất hiện một bảng chọn sau:









<i>Lệnh</i>	<i>Ý nghĩa</i>
Move	Di chuyển cửa sổ
<i>Size</i>	Thay đổi kích thước cửa sổ
<i>Minimize</i>	Thu nhỏ cửa sổ
<i>Maximize</i>	Phóng to cửa sổ
<i>Close</i>	Đóng cửa sổ

- *Nút điều khiển:* , bạn có thể kích chuột lên các nút này để thu nhỏ, phóng to và đóng cửa sổ.

2.3. Màn hình nền (Desktop)

Màn hình nền (Desktop) của Windows được bố trí rất nhiều các biểu tượng (Icon) khác nhau. Sau đây là ý nghĩa một số biểu tượng có sẵn khi cài đặt Windows:

<i>Biểu tượng</i>	<i>Ý nghĩa</i>
-------------------	----------------

 My Computer	Chứa các tài nguyên trong máy của bạn
 My Documents	Chỉ cần kích đúp chuột vào đây, bạn có thể mở thư mục chứa các văn bản đã có sẵn trên đĩa
 Recycle Bin	Thùng rác, chứa các đối tượng đã bị xoá để khi cần có thể khôi phục lại
 Internet Explorer	Trình duyệt Internet của hãng Microsoft, đây là chương trình giúp bạn truy cập Internet
 Outlook Express	Chương trình Outlook Express, đây là chương trình giúp bạn gửi và nhận thư điện tử, rất nhanh và tiện lợi
 Microsoft Outlook	Phần mềm tương tự như Outlook Express, đây là phiên bản mới hơn của Outlook Express có bổ sung thêm nhiều tính mới.

Biểu tượng Ý nghĩa



Phần mềm nghe nhạc, xem phim

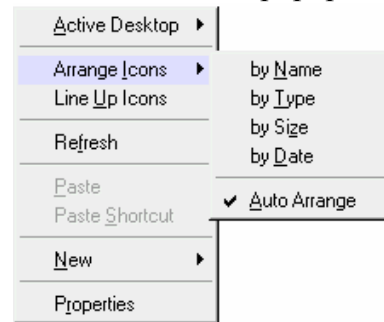


Phần mềm CHAT của Yahoo

Các biểu tượng do người dùng tự tạo gọi là Shortcut, có mũi tên nằm ngay ở phía dưới góc trái. Các biểu tượng này liên kết đến một chương trình trên máy, khi kích đúp chuột vào các biểu tượng này thì chương trình đó sẽ chạy.

2.3.1. Sắp xếp các biểu tượng

- ▶ Kích chuột phải vào chỗ trống trên màn hình nền, xuất hiện menu popup:
- ▶ Kích chuột vào mục Arrange Icons, xuất hiện thêm một menu popup nhỏ, bao gồm các lựa chọn:
 - by Name: Sắp xếp theo tên Icon
 - by Type: Sắp xếp theo kiểu Icon
 - by Size: Sắp xếp theo kích thước Icon
 - by Date: Sắp xếp theo thời gian tạo Icon
 - Auto Arrange: Tự động sắp xếp các Icon

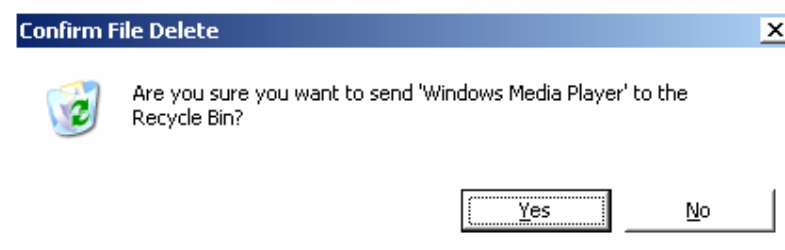


2.3.2. Đổi tên biểu tượng

- ▶ Bấm chuột phải vào biểu tượng cần đổi tên, xuất hiện một menu popup
- ▶ Kích tiếp chuột vào mục Rename. Gõ tên mới cho biểu tượng và nhấn Enter.

2.3.3. Xoá biểu tượng

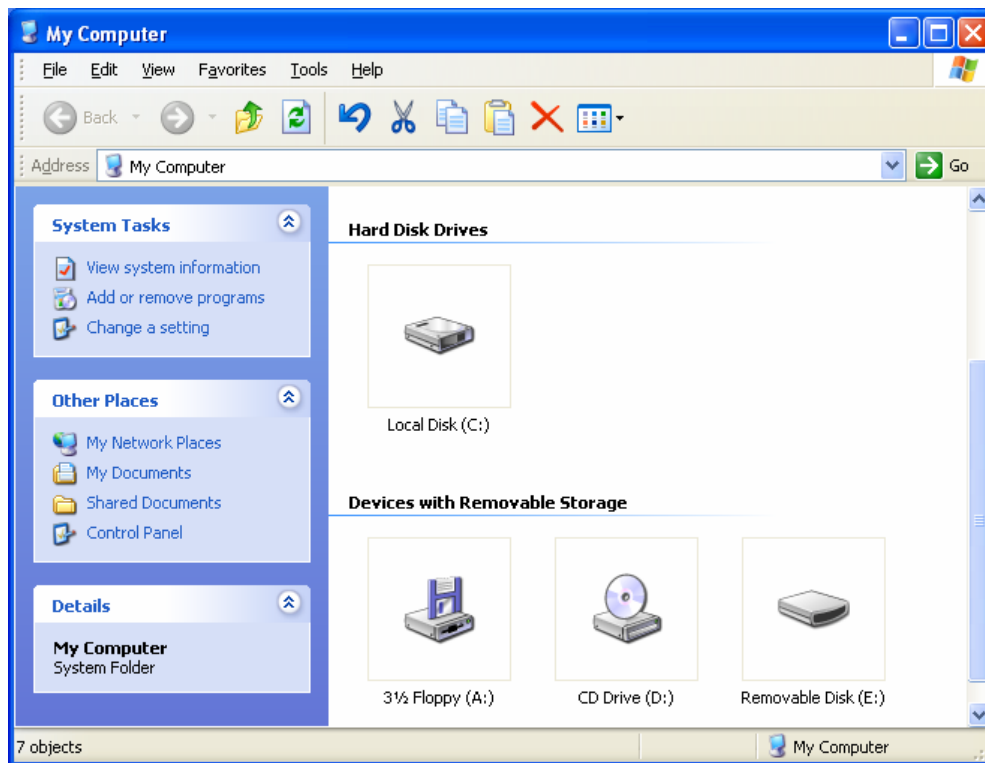
- ▶ Bấm chuột phải vào biểu tượng cần xoá, xuất hiện một menu popup
- ▶ Kích tiếp chuột vào mục Delete. Một hộp thoại sẽ hiện ra hỏi bạn có chắc chắn xoá biểu tượng này không? Bạn hãy kích chuột vào nút Yes nếu chắc chắn xoá.



3. Các thiết bị lưu trữ, thư mục, tệp tin

3.1. Xem thông tin về ổ đĩa

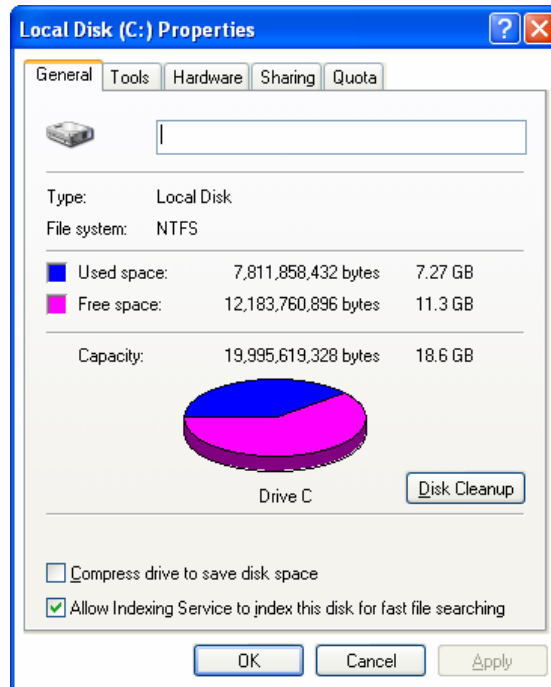
Để xem các thông tin về ổ đĩa, trên màn hình nền Desktop, Click đúp chuột vào biểu tượng My Computer. Cửa sổ My Computer xuất hiện như sau:



Các ổ đĩa trong máy tính gồm có hai loại chính:

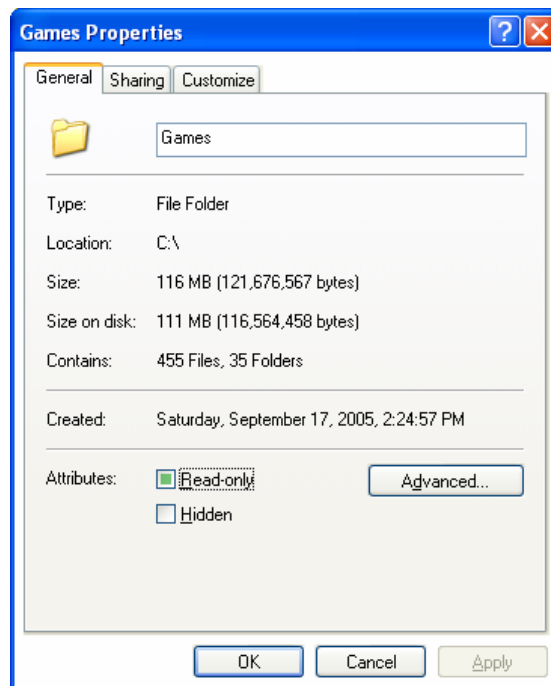
<i>Loại ổ đĩa</i>	<i>Ý nghĩa</i>
<i>Hard Disk Drivers</i>	Các ổ đĩa cứng
<i>Devices with Removeable Storage</i>	Các ổ đĩa có thể tháo rời. Ví dụ: Ổ mềm, ổ CD, ổ USB

Để xem thông tin về một ổ đĩa, bạn kích chuột phải vào ổ đĩa và chọn Properties:



3.2. Xem thông tin về thư mục

Để xem thông tin về một thư mục, tệp tin, bạn kích chuột phải vào đối tượng đó và chọn Properties:



Bài đọc thêm 1: Giới thiệu về máy tính ¹

1. Cấu tạo cơ bản của máy tính

- **Bộ nhớ:**
 - + **Bộ nhớ trong** hay còn gọi là Bộ nhớ chính (Main memory): Dùng để lưu giữ chương trình và dữ liệu đưa vào cũng như dữ liệu thu được trong quá trình thực hiện chương trình.
 - + **Bộ nhớ ngoài** (Secondary memory): Dùng để lưu giữ lâu dài các thông tin và hỗ trợ cho bộ nhớ trong.
- **Bộ xử lý trung tâm** (CPU - Central processing unit): CPU là thành phần quan trọng nhất của máy tính, đó là thiết bị chính thực hiện chương trình. Bộ xử lý trung tâm gồm có hai thành phần chính:
 - + **Bộ số học logic** (ALU - Arithmetic logic unit): Thực hiện các phép toán số học và logic
 - + **Bộ điều khiển** (CU - Control unit): Giống như một nhạc trưởng, bộ điều khiển không trực tiếp thực hiện chương trình mà hướng dẫn các bộ phận khác của máy tính làm điều đó.
- **Các thiết bị vào:** bàn phím chuột, ổ đĩa, máy quét,...
- **Các thiết bị ra:** màn hình, ổ đĩa, máy in,...

2. Đơn vị đo thông tin

1 Byte (bai)	= 8 bit
1 KB (ki-lô-bai)	= 2 ¹⁰ Byte = 1024 Byte
1 MB (mê-ga-bai)	= 2 ¹⁰ KB = 1024 KB
GB (gi-ga-bai)	= 2 ¹⁰ MB = 1024 MB
TB (tê-ra-bai)	= 2 ¹⁰ GB = 1024 GB
PB (pê-ta-bai)	= 2 ¹⁰ TB = 1024 TB

3. Một số khái niệm cơ bản trong tin học

- Phần cứng (Hardware): Là các thiết bị vật lý cấu tạo nên máy tính.
- Phần mềm (Software): Là các chương trình chạy trong máy tính.
- Hệ điều hành (OS - Operating System): Là một tập hợp có tổ chức các chương trình thành một hệ thống với nhiệm vụ đảm bảo quan hệ giữa người sử dụng với máy tính, cung cấp các phương tiện và dịch vụ để người sử dụng dễ dàng thực hiện chương trình, quản lý chặt chẽ các tài nguyên của máy, tổ chức khai thác chúng một cách thuận tiện và tối ưu .
- Tập tin (hay tập tin - File): là một tập hợp các thông tin ghi trên đĩa từ, băng từ... tạo thành một đơn vị lưu trữ do hệ điều hành quản lý. Mỗi tập có một tên gọi để truy nhập.

¹ Nguồn: SGK Tin học 10 - NXB Giáo dục 2003

- Thư mục (Directory hoặc Folder): Để quản lí các tệp được dễ dàng, hệ điều hành tổ chức lưu trữ trong tin theo thư mục. Thư mục đóng vai trò như mục lục để tìm các chương, mục trong một quyển sách. Mỗi ổ đĩa có một thư mục được tạo tự động gọi là thư mục gốc. Tên thư mục được đặt tên theo quy cách đặt tên tệp. Như vậy, mỗi thư mục có thể chứa cả tệp, cả thư mục con.
Có thể hình dung cấu trúc thư mục là một hình cây mà mỗi thư mục là một cành, mỗi tệp là một lá. Lá phải thuộc một cành nào đó. Mỗi cành có thể có các cành con.
- Đường dẫn (Path): Để chỉ ra đúng tệp cần thiết, ta phải chỉ các thư mục theo chiều đi từ thư mục gốc tới tệp và sau cùng là tệp. Các tên thư mục và tên tệp phân cách nhau bởi kí tự “\”.

4. Một số hệ điều hành thông dụng

- Hệ điều hành MS DOS (Microsoft Disk Operating system - Hệ điều hành đĩa của Microsoft): Là hệ điều hành đầu tiên của hãng Microsoft trang bị cho máy tính cá nhân IBM PC. Đây là hệ điều hành đơn giản, nhưng hiệu quả, phù hợp với tình trạng thiết bị và trình độ chung của người sử dụng máy tính cá nhân trong thập kỷ tám mươi.

MS DOS là hệ điều hành đơn nhiệm một người sử dụng. Tuy vậy, với các phiên bản từ 4.01 trở đi, trong MS DOS đã có các mô đun cho phép người sử dụng có thể thực hiện nhiều chương trình đồng thời.

- Hệ điều hành Windows:

Hầu hết các máy tính đều sử dụng hệ điều hành Windows của hãng Microsoft. Cùng với sự phát triển của hãng Microsoft, hệ điều hành Windows dùng cho máy tính cá nhân đã trải qua các phiên bản: Windows 3.1; Windows 95; Windows 98; Windows ME (Melinium); Windows 2000; Windows XP, Windows Vista;

Các đặc trưng của Windows là:

- Chế độ đa nhiệm
 - Có hệ thống giao diện đồ hoạ dựa trên cơ sở bảng chọn (menu) với các biểu tượng kết hợp giữa hình và lời giải thích.
 - Có các công cụ xử lí phong phú trong môi trường đồ hoạ, đảm bảo nguyên lí *"bạn nhìn thấy gì thì bạn nhận được cái đó"* (nguyên lí WYSWYG - What you see Is what you get).
 - Cung cấp nhiều công cụ xử lí đa phương tiện (Multimedia) đảm bảo khai thác có hiệu quả hai loại dữ liệu mới - Âm thanh và hình ảnh.
 - Đảm bảo các khả năng làm việc trong môi trường mạng.
- Hệ điều hành Unix và Linux: Do phòng thí nghiệm Bell xây dựng. Đây là hệ điều hành đa nhiệm nhiều người sử dụng, có khả năng đảm bảo một số lượng lớn người sử dụng đồng thời khai thác hệ thống.

Nét đặc biệt của Unix là đến 90% các môđun của hệ thống được viết trên ngôn ngữ lập trình bậc cao C, vì vậy nó dễ dàng được sửa đổi, bổ sung để phù hợp

với từng hoàn cảnh cụ thể hoặc chuyển từ loại máy này sang máy khác có hệ lệnh không giống nhau.

Trên cơ sở Unix, Linus Torvalds (người Phần Lan), khi còn là sinh viên đã phát triển một hệ điều hành mới cho máy tính cá nhân gọi là Linux. Linux là hệ điều hành mã nguồn mở, miễn phí nên nó thu hút được sự chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện của rất nhiều người trên phạm vi toàn thế giới. Người ta dự đoán trong tương lai gần Linux có khả năng cạnh tranh với các hệ điều hành Windows. Ngày nay, Linux đang được sử dụng khá phổ biến ở châu Âu, nhất là trong các trường học và xu hướng này ngày càng phát triển.

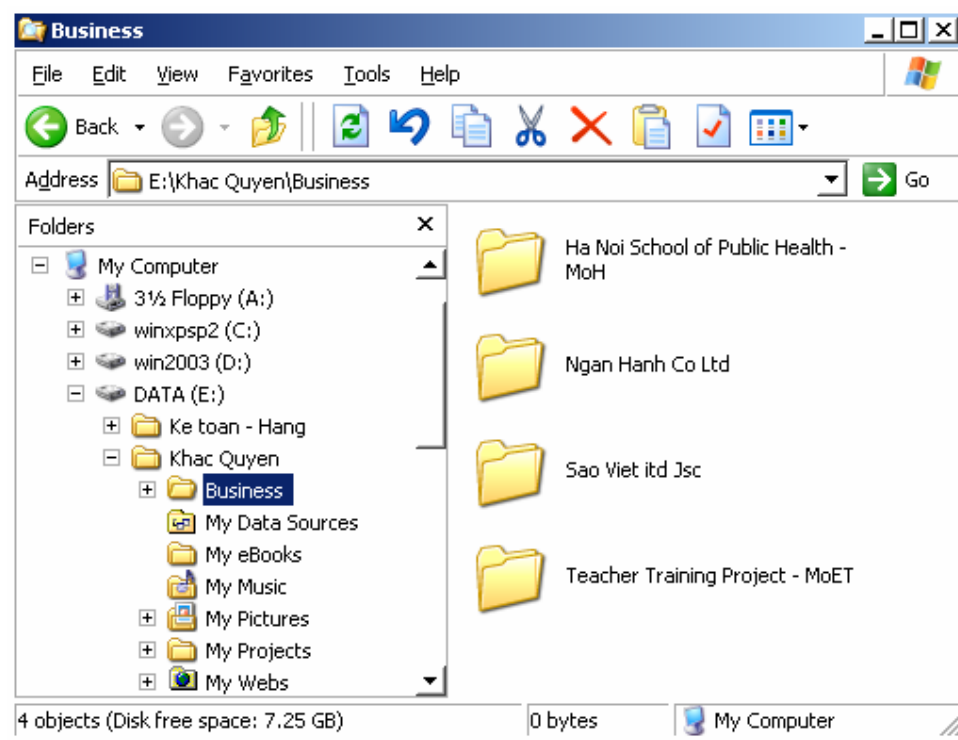
Bài 2: Sử dụng chương trình Windows Explorer.

Tìm kiếm thư mục, tệp tin

1. Sử dụng chương trình Windows Explorer

1.1. Khởi động chương trình

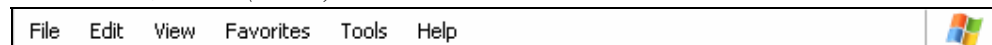
- ▶ *Cách 1:* Kích chuột vào nút Start, chọn nhóm Programs sau đó chọn Windows Explorer
 - ▶ *Cách 2:* Bấm chuột phải lên nút Start, chọn Explore
- Khi đó, trên màn hình xuất hiện một cửa sổ như sau:



1.2. Giao diện của chương trình Windows Explorer

Cửa sổ được chia làm hai phần. Phần bên trái hiển thị danh sách các ổ đĩa, thư mục, các tài nguyên có trong máy của theo dạng phân cấp hình cây. Phần bên phải hiển thị nội dung của thành phần hiện thời mà bạn đang chọn ở bên trái. Bạn cần chú ý đến một số thành phần sau:

- *Thanh thực đơn (menu):*













Thanh thực đơn chứa các nhóm lệnh của cửa sổ chương trình. Nhóm File chứa các lệnh tạo thư mục và tệp. Nhóm Edit chứa các lệnh liên quan đến các thao tác Copy, Cut, Paste. Nhóm View chứa các lệnh về trình bày, hiển thị giao diện của cửa sổ chương trình. Nhóm Favorites chứa liên kết liên quan đến các thư mục, chương trình, các trang Web mà bạn yêu thích....

- *Thanh công cụ (Toolbar):*

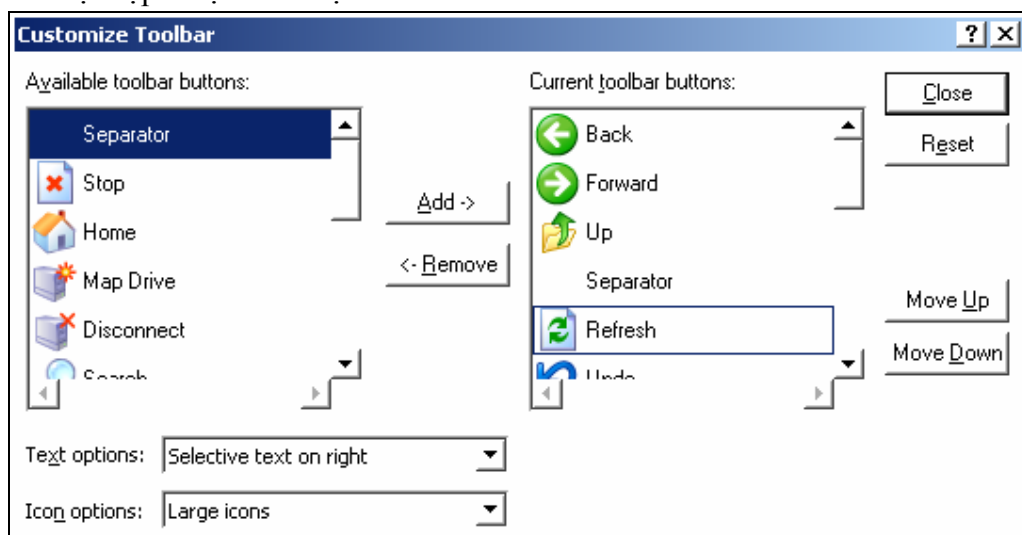


Trên thanh công cụ chứa một số nút lệnh thông dụng, ý nghĩa của các nút lệnh này được trình bày trong bảng sau:

<i>Nút lệnh</i>	<i>Ý nghĩa</i>
	<i>Back</i> Quay trở lại trạng thái sau
	<i>Forward</i> Quay về trạng thái trước
	<i>Up</i> Trở về thư mục mẹ của thư mục hiện thời
	<i>Copy</i> Sao chép thư mục, tệp
	<i>Cut</i> Di chuyển thư mục, tệp vào bộ đệm (Clipboard)
	<i>Paste</i> Dán tệp, thư mục từ bộ đệm ra thư mục đích
	<i>Undo</i> Huỷ các thao tác đã thực hiện
	<i>Delete</i> Xoá thư mục, tệp
	<i>Properties</i> Xem thuộc tính của thư mục, tệp
	<i>Views</i> Chọn cách hiển thị của thư mục, tệp trên cửa sổ

Bạn có thể kích chuột vào các nút trên hình cây bên trái để mở rộng hoặc thu hẹp hình cây thư mục.

- Bạn có thể mở một văn bản hoặc khởi động một chương trình bằng các kích đúp chuột vào biểu tượng trong cửa sổ bên phải của Windows Explorer.
- Bạn có thể thay đổi cách thể hiện các biểu tượng trên phần bên phải cửa sổ bằng cách thay đổi các lựa chọn hiển thị: Trong thực đơn View, bạn chọn các dạng như Thumbnails, Tiles, Icons, List, Detail.
- Bạn có thể thêm hoặc bớt các biểu tượng trên thanh công cụ. Trên cửa sổ của chương trình Windows Explorer, bạn thực hiện lệnh View/Customize.., một hộp thoại xuất hiện như sau:



Phần bên phải của hộp thoại là các nút lệnh đang được hiển thị trên thanh công cụ của cửa sổ chương trình. Ý nghĩa của một số nút lệnh trên cửa sổ như sau:

Nút lệnh	Ý nghĩa
<i>Add</i>	Bổ sung thêm nút lệnh vào thanh công cụ (sau khi chọn nút lệnh ở phần bên trái)
<i>Remove</i>	Gỡ bỏ nút lệnh trên thanh công cụ (sau khi chọn nút lệnh ở phần bên trái)
<i>Reset</i>	Khôi phục trạng thái ban đầu của thanh công cụ
<i>Move Up</i>	Chuyển nút lệnh lên trên
<i>Move Down</i>	Chuyển nút lệnh xuống dưới

2. Thao tác với thư mục và tệp tin trong chương trình Windows Explorer

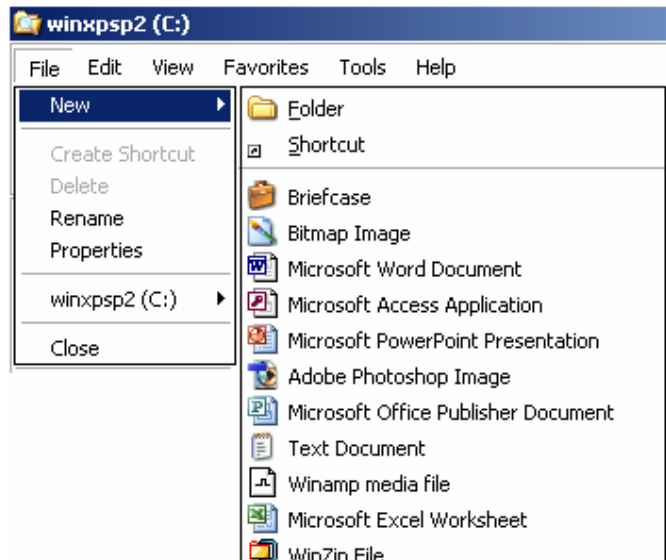
2.1. Lựa chọn thư mục, tệp tin

- Chọn một đối tượng (thư mục, tệp tin): Kích chuột vào đối tượng đó.
- Chọn nhiều đối tượng kề nhau: Kích chuột vào đối tượng ở vị trí đầu, nhấn và giữ phím **Shift**, sau đó kích chuột vào đối tượng cuối.
- Chọn nhiều đối tượng rời nhau: Nhấn và giữ phím **Ctrl**, kích chuột lần lượt vào các đối tượng cần chọn.
- Chọn toàn bộ đối tượng trong một thư mục: Thực hiện lệnh **Edit / Select All** hoặc nhấn tổ hợp phím **Ctrl + A**.

2.2. Tạo mới, đổi tên, xóa, sao chép, di chuyển thư mục và tệp tin

2.2.1. Tạo thư mục mới

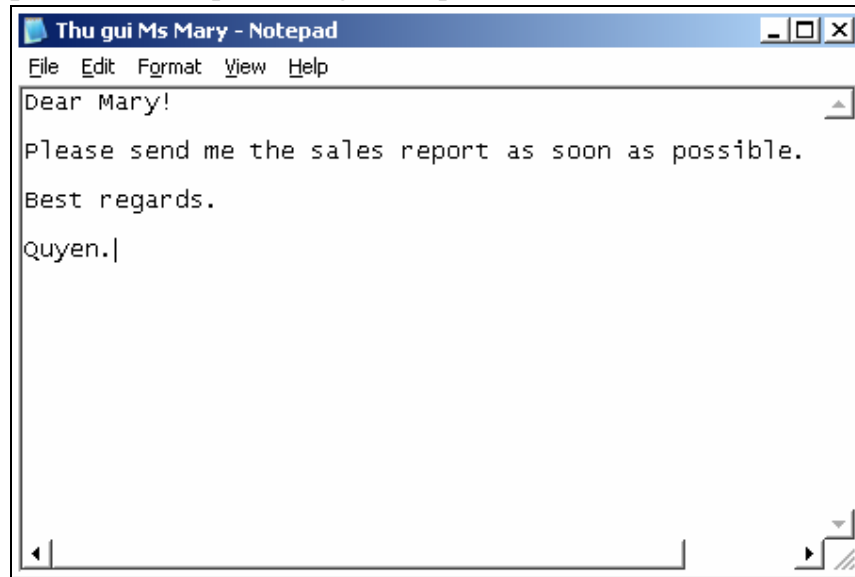
- ▶ Chọn thư mục mẹ (thư mục sẽ chứa thư mục mới): Kích chuột vào thư mục mẹ
- ▶ Thực hiện lệnh **File / New / Folder**.
- ▶ Windows sẽ tạo ra một thư mục mới với tên mặc định là **New Folder** hoặc **New Folder (2)**, **New Folder (3)**... và chờ ta gõ tên thư mục mới vào để thay thế cho tên mặc định. Bạn hãy nhấn Enter để xác nhận tên cho thư mục mới hoặc kích chuột vào một vị trí bất kỳ trên màn hình.



2.2.2. Tạo tệp văn bản (Text file)

- ▶ Chọn thư mục mẹ của tệp cần tạo bằng cách kích chuột vào thư mục mẹ, khi đó phần bên phải của cửa sổ sẽ hiển thị nội dung của thư mục đó.

- ▶ Thực hiện lệnh **File / New / Text Document**. Windows sẽ tạo ra một tệp văn bản trống với tên mặc định là **New Text Document.txt** hoặc **New Text Document (2).txt...** và chờ ta gõ tên mới vào để thay thế cho tên mặc định. Bạn hãy nhấn **Enter** để xác nhận tên mới cho tệp hoặc kích chuột vào một vị trí bất kì trên màn hình.
- ▶ Kích đúp chuột vào tệp văn bản vừa tạo, Windows sẽ mở chương trình **Notepad** để bạn nhập nội dung cho tệp vừa tạo:



- ▶ Trên cửa sổ của chương trình Notepad, bạn thực hiện lệnh **File / Save** để ghi lại tệp văn bản vào đĩa.

2.2.3. Đổi tên thư mục và tệp tin

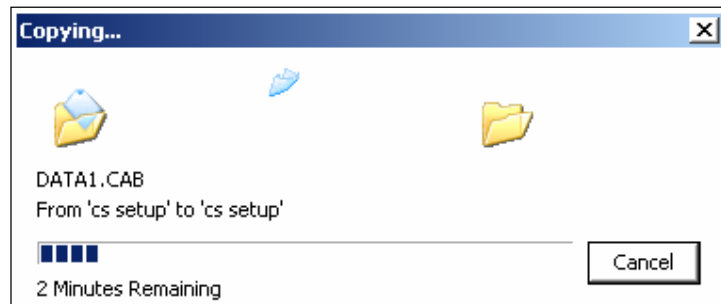
- ▶ Bấm chuột phải vào thư mục hoặc tệp tin cần đổi tên, kích chuột vào mục **Rename** trên thanh menu popup vừa xuất hiện.
- ▶ Gõ tên mới vào để thay thế cho tên cũ và nhấn **Enter** để xác nhận hoặc kích chuột vào một vị trí bất kì trên màn hình.

2.2.4. Sao chép thư mục, tệp tin

- ▶ Trên phần cửa sổ bên phải, chọn thư mục hoặc tệp tin cần sao chép bằng cách kích chuột vào chúng.
- ▶ Thực hiện lệnh **Edit / Copy**
- ▶ Chọn thư mục đích mà ta cần sao chép tới, thực hiện lệnh **Edit / Paste**. Hộp thoại Copying sẽ xuất hiện như hình dưới:

2.2.5. Di chuyển thư mục, tệp tin

- ▶ Trên phần cửa sổ bên phải, chọn thư mục hoặc tệp tin cần di chuyển bằng cách kích chuột vào chúng.
- ▶ Thực hiện lệnh **Edit /**



Cut.

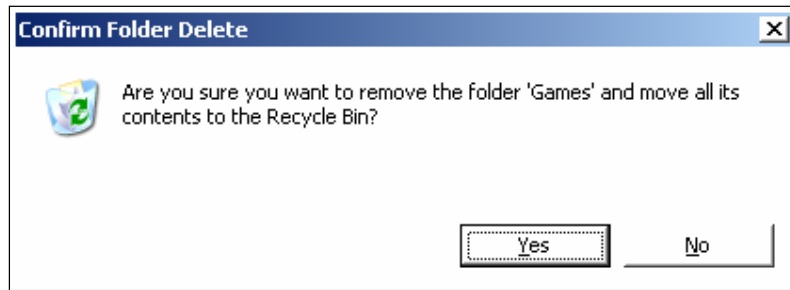
- ▶ Chọn thư mục đích mà ta cần sao chép tới, thực hiện lệnh **Edit/ Paste**

2.2.6 Xoá thư mục, tệp tin

- ▶ Chọn thư mục hoặc tệp tin cần xoá.
- ▶ Thực hiện lệnh

Edit / Delete.

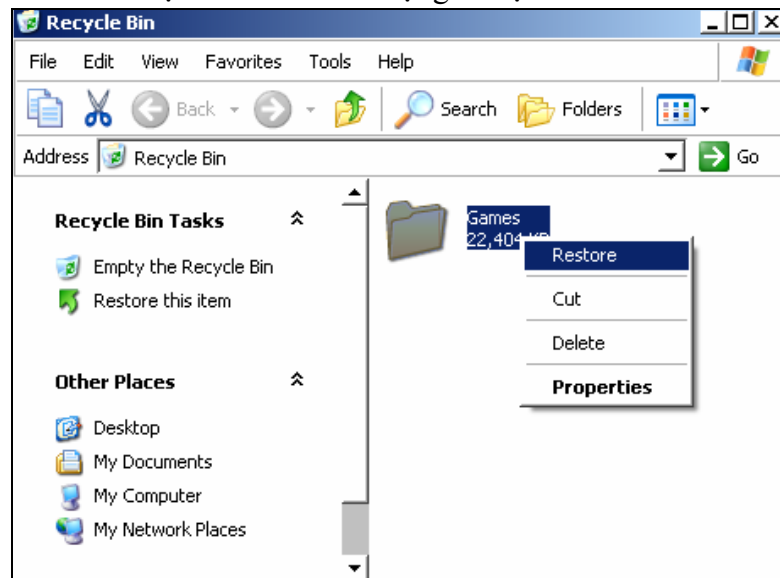
Windows sẽ hiển thị một hộp thoại hỏi bạn có chắc chắn xoá các thư mục hoặc tệp đã chọn



không? Bạn hãy kích chuột vào nút Yes nếu khẳng định xoá.

2.2.7. Khôi phục thư mục, tệp tin đã bị xoá

- ▶ Trên màn hình nền (Desktop), kích đúp chuột lên biểu tượng thùng rác. Cửa sổ Recycle Bin xuất hiện chứa các đối tượng đã bị xoá:



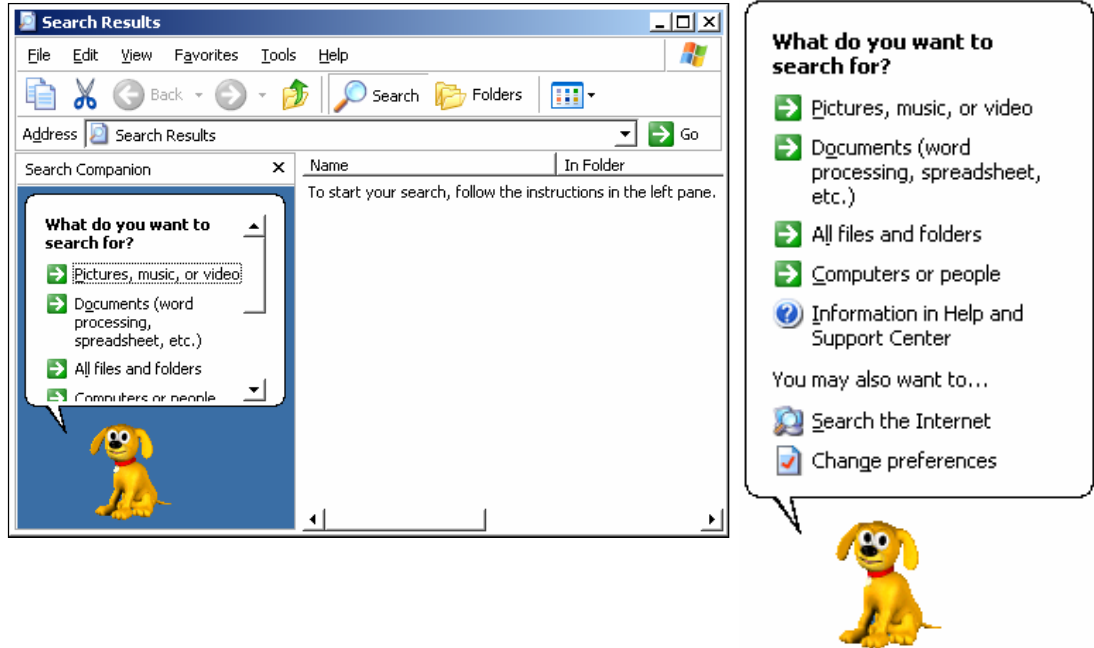
- ▶ Kích chuột phải lên đối tượng cần khôi phục, chọn Restore để khôi phục đối tượng đã xoá..

3. Tìm kiếm thư mục, tệp tin trong máy tính

Bạn hãy thực hiện theo các bước sau:

- ▶ Kích chuột vào nút Start, chọn Search, một hộp thoại xuất hiện như sau:

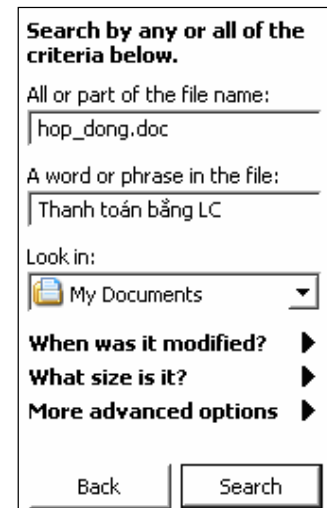
Để tìm kiếm thông tin cần thiết, bạn kích chuột vào các mục tương ứng trên bảng chọn bên trái của cửa sổ. Ý nghĩa của một số lựa chọn như sau:



<i>Thành phần</i>	<i>Ý nghĩa</i>
<i>Pictures, music or video</i>	Tìm kiếm các tệp ảnh, nhạc, video
<i>Documents (word processing, spreadsheet, etc.)</i>	Tìm kiếm các tài liệu văn bản (các tệp Word, Excel...)
<i>All files and folders</i>	Tìm kiếm các tệp và thư mục

Để tìm kiếm một tệp tin hoặc một thư mục bất kỳ, bạn kích chuột vào mục **All files and Folders**, bảng chọn bên trái cửa sổ tìm kiếm xuất hiện như hình bên:

<i>Thành phần</i>	<i>Ý nghĩa</i>
<i>All or part of the file name</i>	Tên tệp hoặc một cụm từ của tên cần tìm
<i>A word or phrase in the file</i>	Cụm từ nội dung chứa trong tệp cần tìm
<i>Look in</i>	Vị trí tìm kiếm: Ổ đĩa hoặc một thư mục cụ thể
<i>When was it modified?</i>	Thời gian cuối cùng tệp bị sửa đổi
<i>What size is it</i>	Kích thước của tệp
<i>More advanced options</i>	Các lựa chọn nâng cao khác



Bài đọc thêm 2: Quản lý thanh tác vụ và màn hình nền

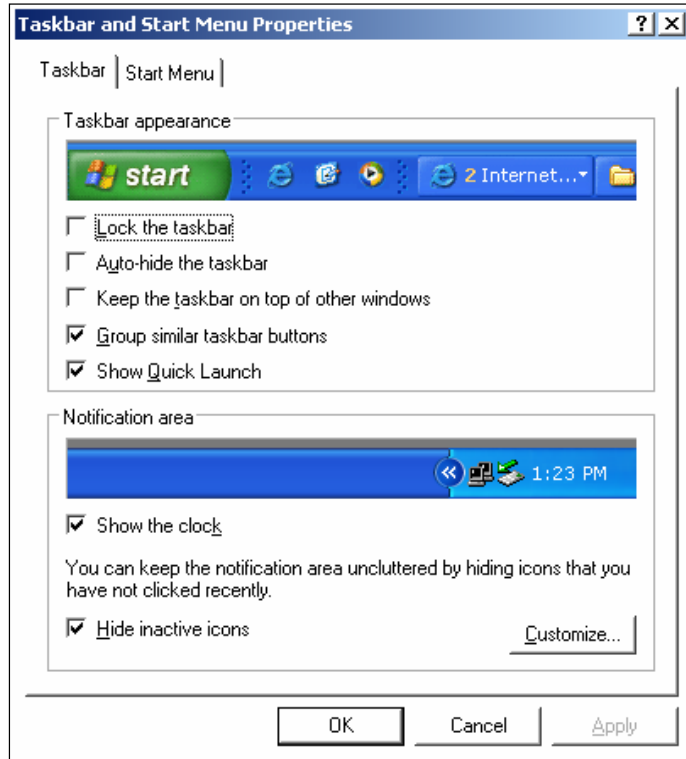
1. Thiết lập các tùy chọn cho thanh tác vụ và thực đơn Start

1.1. Tùy biến thanh tác vụ

- ▶ Để tùy biến thanh tác vụ, bạn kích chuột phải lên thanh tác vụ và chọn **Properties**, một hộp thoại xuất hiện như hình bên.

Hộp thoại gồm có hai mục là Taskbar (Các tùy biến cho thanh tác vụ) và Start Menu (các tùy biến cho thực đơn Start)

Sau đây là ý nghĩa của các lựa chọn trong mục Taskbar:

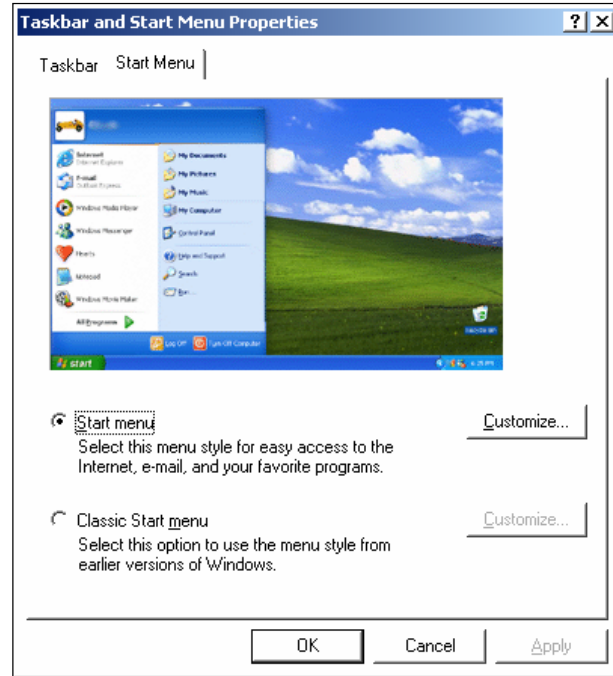


Lựa chọn	Ý nghĩa
<i>Lock the taskbar</i>	Khóa thanh taskbar, người sử dụng không thể thay đổi được kích thước hoặc di chuyển thanh taskbar
<i>Auto-hide the taskbar</i>	Tự động ẩn thanh taskbar khi người sử dụng di chuyển chuột ra khỏi thanh taskbar
<i>Keep the taskbar on top of other windows</i>	Luôn nằm ở trên các cửa sổ chương trình khác
<i>Group similar taskbar buttons</i>	Khi người sử dụng mở nhiều cửa sổ chương trình thì các chương trình cùng loại sẽ được xếp cùng một nhóm trên thanh taskbar
<i>Show Quick Launch</i>	Hiển thị thanh Quick Launch (Chứa các chương trình thường sử dụng. Người sử dụng chỉ cần kích chuột một lần vào các biểu tượng nằm trên thanh Quick Launch để chạy chương trình).
<i>Show the clock</i>	Hiển thị đồng hồ
<i>Hide inactive icons</i>	Ẩn các biểu tượng (icon) nằm cạnh đồng hồ trên thanh taskbar nếu các chương trình này không được sử dụng thường xuyên.



1.2. Tùy biến thực đơn Start

- ▶ Để tùy biến thực đơn Start, bạn Click chuột phải lên thanh taskbar, chọn Properties và kích chuột vào mục Start menu.



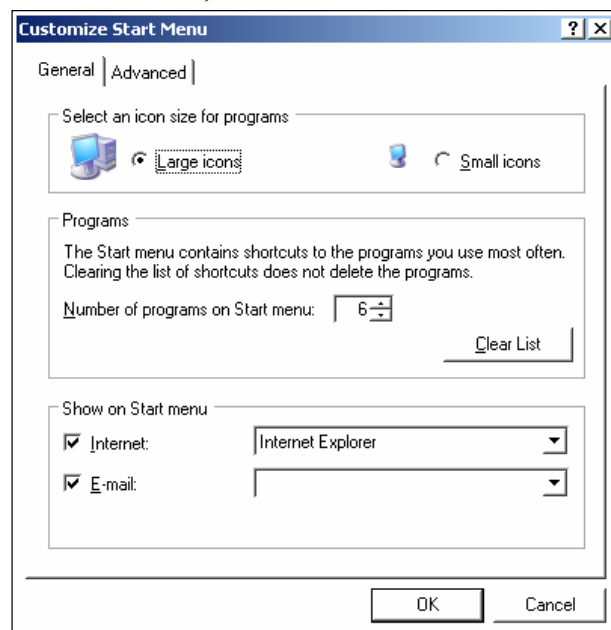
Sau đây là ý nghĩa của các lựa chọn trong mục này:

Lựa chọn	Ý nghĩa
<i>Start menu</i>	Hiển thị thực đơn Start thành hai cột
<i>Classic menu</i>	Hiển thị thực đơn Start thành một cột giống như thực đơn của Windows 2000, Windows 98

Với mỗi kiểu hiển thị của thực đơn Start, Windows XP đều cung cấp thêm thiết lập riêng (Customize...).

1.2.1. Thiết lập riêng cho kiểu Start menu

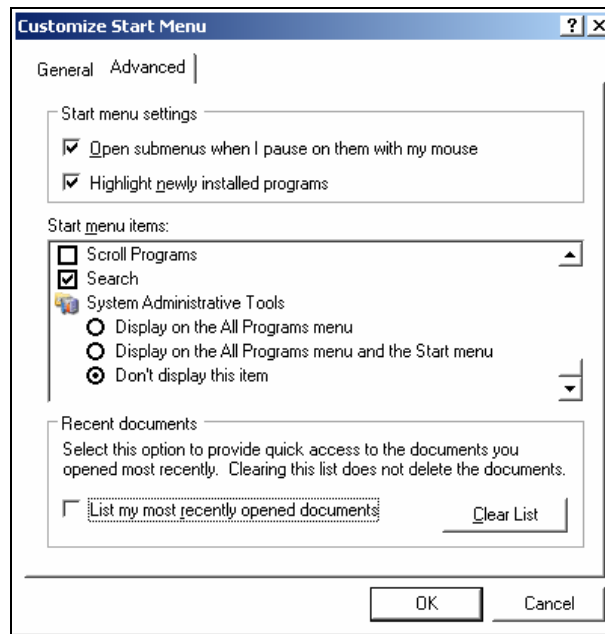
1.2.1.1. Các thiết lập thông thường (General)



Lựa chọn Ý nghĩa

- Large icons* Hiển thị các biểu tượng với kích thước lớn
- Small icons* Hiển thị các biểu tượng với kích thước thu nhỏ
- Number of program on Start menu* Số lượng các chương trình hiển thị trên cột trái của Start menu
- Internet* Phần mềm mặc định truy cập Internet
- E-mail* Phần mềm mặc định để gửi thư điện tử

1.2.1.1. Các thiết lập nâng cao (Advanced)



1.2.1. Thiết lập riêng cho kiểu Classic Start menu

Lựa chọn	Ý nghĩa
<i>Add</i>	Chèn thêm một chương trình vào thực đơn Start
<i>Remove</i>	Gỡ bỏ một chương trình khỏi thực đơn Start
<i>Advanced</i>	Tùy biến thực đơn Start bằng chương trình Windows Explorer.
<i>Clear</i>	Xóa các chương trình vừa sử dụng xong được Windows lưu lại trên thực đơn Start
<i>Advanced Start menu options</i>	Bổ sung hoặc gỡ bỏ các nhóm chức năng khác vào thực đơn Start

2. Làm việc với các Shortcut (lối tắt đến chương trình)

Trong Windows, để chạy một chương trình, bạn có thể thực hiện một trong hai cách sau:

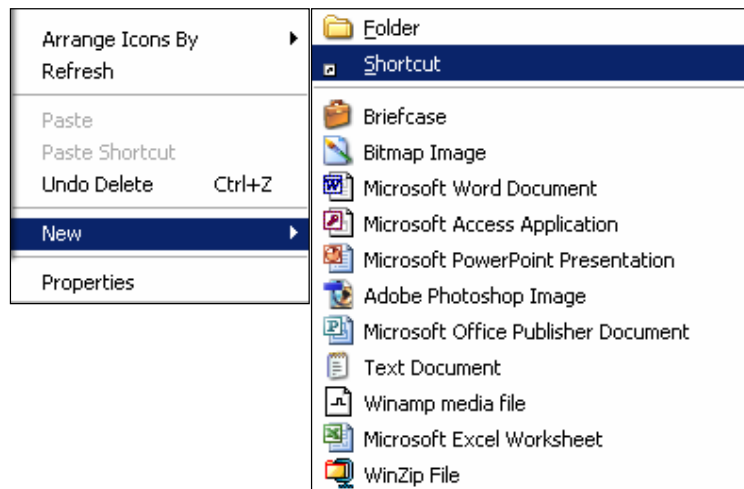
- ▶ Chạy trực tiếp các tệp chương trình (các tệp chương trình thường có phần mở rộng là *.exe; *.com)
- ▶ Hoặc kích chuột vào Shortcut của chương trình.

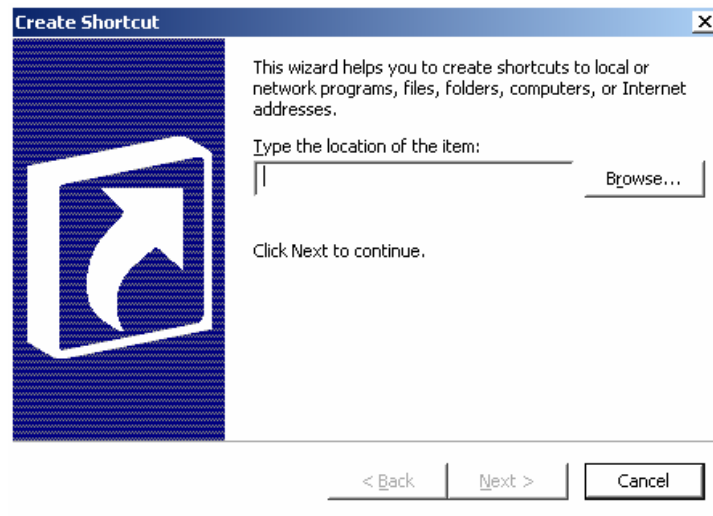
Shortcut của chương trình được tạo ra để giúp người sử dụng truy cập đến một chương trình, truy cập đến một ổ đĩa hoặc truy cập đến một thư mục nhanh hơn.

2.1. Tạo Shortcut trên nền Desktop

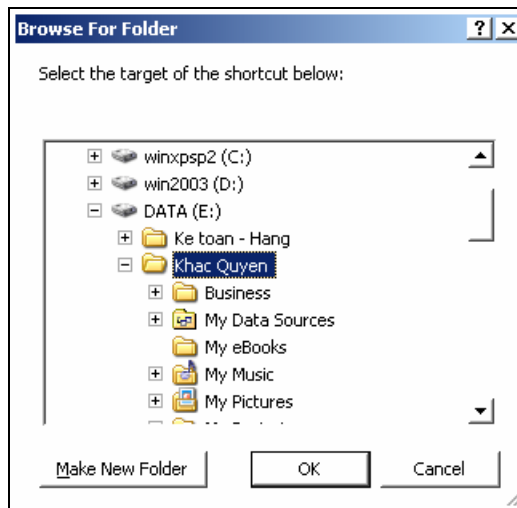
Cách 1:

- ▶ Để tạo Shortcut, bạn kích chuột phải trên màn hình nền (Desktop) và chọn **New / Shortcut**, một hộp thoại xuất hiện như sau:



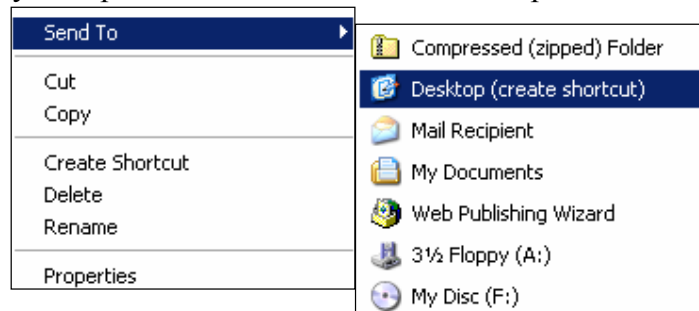


- ▶ Tiếp theo bạn kích chuột vào nút Browse để chọn đối tượng (ổ đĩa, tệp, thư mục,...):



Cách 2 :

- ▶ Bạn vào My Computer và tìm đến thư mục hoặc tệp cần tạo Shortcut

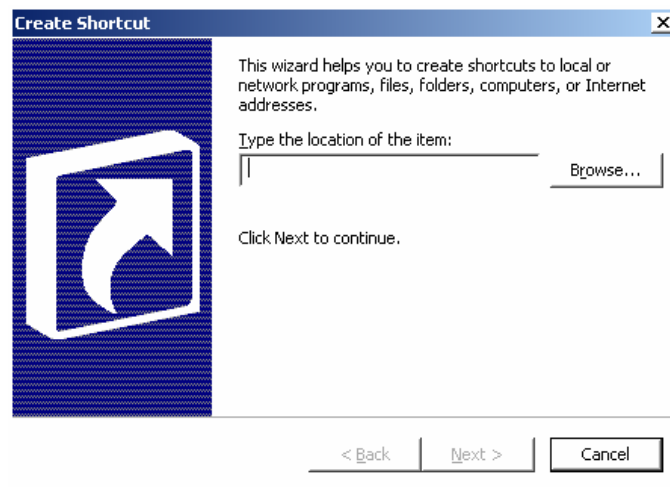


- ▶ Bấm chuột phải vào đối tượng và chọn **Send To / Desktop** (create shortcut)

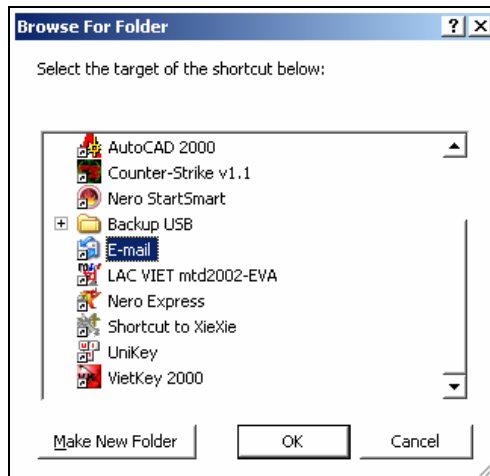
2.2. Tạo Shortcut cho các chương trình chạy vào lúc khởi động Windows

Có nhiều cách để tạo Shortcut cho các chương trình chạy vào lúc Windows khởi động, sau đây là một cách đơn giản nhất:

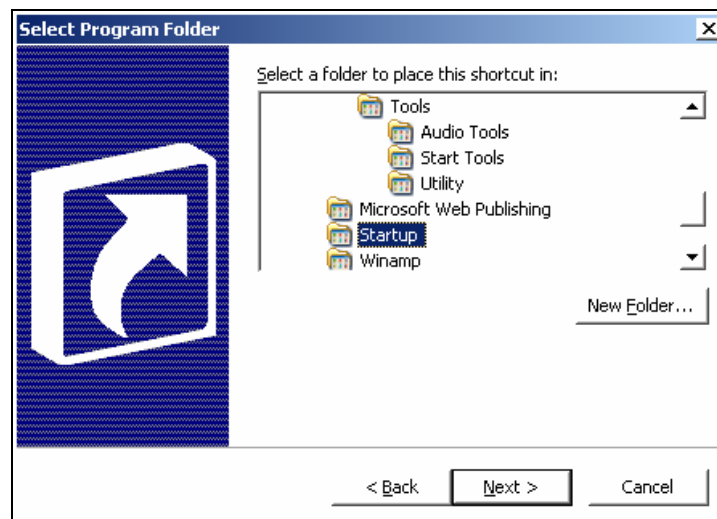
- ▶ Bạn bấm chuột phải lên thanh Taskbar, chọn **Properties / Start menu / Classic Start menu / Customize... / Add**, cửa sổ lựa chọn chương trình xuất hiện:



- ▶ Lựa chọn chương trình cần tạo Shortcut



- ▶ Hộp thoại lựa chọn vị trí trên thực đơn Start xuất hiện, bạn chọn nhóm **Startup**

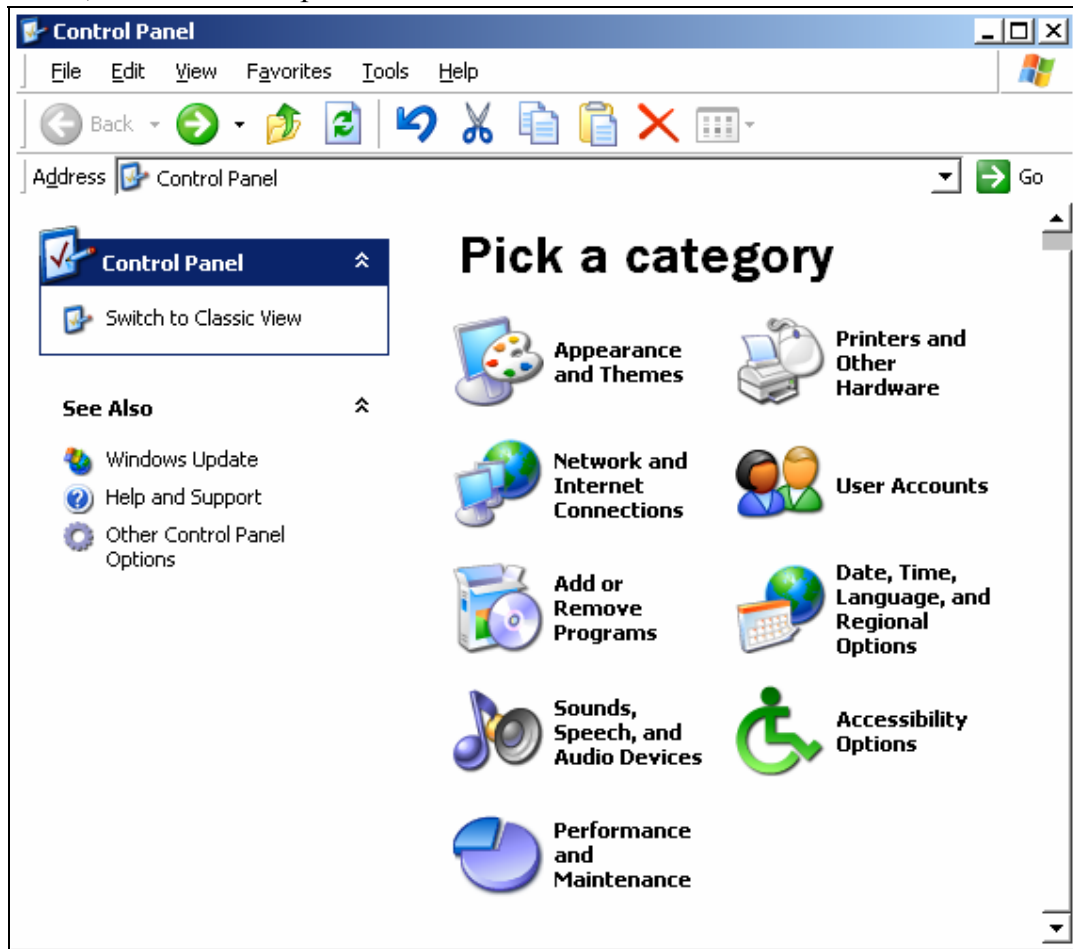




Bài 3: Control panel








1. Giới thiệu Control panel

Control Panel chứa các chức năng cài đặt phần mềm, thiết lập âm thanh, cấu hình cho Windows. Sau đây là ý nghĩa một số biểu tượng trong Control Panel.

Để truy cập vào Control panel, bạn kích chuột vào nút **Start**, chọn **Control Panel**, của sổ Control panel xuất hiện như sau:



<i>Stt</i>	<i>Biểu tượng</i>	<i>Ý nghĩa</i>
1.	 Appearance and Themes	Thay đổi giao diện của Windows: Desktop, chế độ bảo vệ màn hình, độ phân giải màn hình, các thiết lập của thanh tác vụ, các thiết lập đối với thư mục và tệp tin
2.	 Network and Internet Connections	Thay đổi các thiết lập kết nối mạng cho máy tính




<i>Stt</i>	<i>Biểu tượng</i>	<i>Ý nghĩa</i>
3.	 Add or Remove Programs	Cài đặt và gỡ bỏ một chương trình.
4.	 Sounds, Speech, and Audio Devices	Thiết lập các hiệu ứng âm thanh cho mỗi sự kiện trong Windows, điều chỉnh âm lượng cho soundcard
5.	 Performance and Maintenance	Các thiết lập nâng cao cho Windows
6.	 Printers and Other Hardware	Các thiết lập về máy in. Các thiết lập về chuột: tốc độ di chuyển của con trỏ chuột, tốc độ bấm đúp, Hình dáng chuột sẽ xuất hiện trên màn hình Các thiết lập của bàn phím: Tốc độ gõ thường, tốc độ gõ lặp phím, tốc độ nhấp nháy của con trỏ trong môi trường DOS hoặc trong các môi trường soạn thảo.
7.	 User Accounts	Quản lý tài khoản người sử dụng
8.	 Date, Time, Language, and Regional Options	Các thiết lập vùng, các thiết lập về ngày tháng và thời gian của hệ thống
9.	 Accessibility Options	Các thiết lập dành cho người khiếm thị








2. Thay đổi giao diện của Windows

Để thay đổi giao diện của Windows, trong Control Panel, bạn kích chuột vào

biểu tượng  **Appearance and Themes**

Một cửa sổ xuất hiện gồm các lựa chọn như sau:

- ➔ Change the computer's theme
 - ➔ Change the desktop background
 - ➔ Choose a screen saver
 - ➔ Change the screen resolution
-  **Display**
 -  **Taskbar and Start Menu**
 -  **Folder Options**

<i>Stt</i>	<i>Biểu tượng</i>	<i>Ý nghĩa</i>
1.	 Change the computer's theme	Thay đổi kiểu dáng của Windows theo các mẫu đã được thiết kế sẵn
2.	 Change the desktop background	Thay đổi tranh nền, màu nền của Windows
3.	 Choose a screen saver	Thiết lập chế độ bảo vệ màn hình cho Windows
4.	 Change the screen resolution	Thay đổi độ phân giải cho màn hình
5.	 Display	Các thiết lập về màn hình làm việc: độ phân giải, chế độ bảo vệ màn hình, độ phân giải, tranh nền,...
6.	 Folder Options	Các thiết lập về thuộc tính cho thư mục
7.	 Taskbar and Start Menu	Các thiết lập cho thanh tác vụ






2.1. Thay đổi hiệu ứng âm thanh cho các sự kiện trong Windows

Để thay đổi các thiết lập về âm thanh của Windows, trong Control Panel, bạn

kích chuột vào biểu tượng  **Sounds, Speech, and Audio Devices**

Một cửa sổ xuất hiện gồm các lựa chọn như sau:

-  **Adjust the system volume**  **Sounds and Audio Devices**
-  **Change the sound scheme**  **Speech**
-  **Change the speaker settings**

<i>Stt</i>	<i>Biểu tượng</i>	<i>Ý nghĩa</i>
1.	 Adjust the system volume	Điều chỉnh âm lượng của Soundcard
2.	 Change the sound scheme	Thay đổi âm thanh cho các sự kiện trong Windows
3.	 Change the speaker settings	Thay đổi các thiết lập cho loa máy tính
4.	 Sounds and Audio Devices	Thay đổi các thiết lập về âm thanh và trình điều khiển thiết bị âm thanh
5.	 Speech	Một công cụ của Windows chuyển văn bản tiếng Anh ra âm thanh

2.2. Quản lí tài khoản người sử dụng

Để thay đổi, bổ sung tài khoản người sử dụng, trong Control Panel, bạn kích

chuột vào biểu tượng  **User Accounts**

Một cửa sổ xuất hiện gồm các lựa chọn như sau:

- [Change an account](#)
- [Create a new account](#)
- [Change the way users log on or off](#)

Các tài khoản đã được khởi tạo



quyensp
Computer administrator
Password protected



Ngan Hanh Ltd
Computer administrator



Guest
Guest account is off

<i>Stt</i>	<i>Lệnh</i>	<i>Ý nghĩa</i>
1.	<i>Change an account</i>	Thay đổi tài khoản người sử dụng
2.	<i>Create an account</i>	Tạo tài khoản mới
3.	<i>Change the way users log on or off</i>	Thay đổi cách đăng nhập hoặc kết thúc làm việc với Windows (đăng xuất)

Windows XP thường tạo sẵn một tài khoản tên là **Guest**. Theo mặc định, tài khoản này không được kích hoạt để sử dụng. Sử dụng tài khoản **Guest** để đăng nhập vào Windows, bạn không thể thay đổi được các thiết lập về hệ thống, bạn cũng không thể cài đặt hoặc gỡ bỏ các phần mềm trong Windows.

► Để kích hoạt tài khoản **Guest**, bạn kích chuột vào biểu tượng



Guest
Guest account is off

Một hộp thoại xuất hiện như sau:



► **Kích chuột vào nút Turn On the Guest Account**

Để thay đổi các thiết lập cho một tài khoản, bạn kích chuột vào tài khoản đó, một hộp thoại xuất hiện như sau:



<i>Stt</i>	<i>Lệnh</i>	<i>Ý nghĩa</i>
1.	<i>Change my name</i>	Thay đổi tên hiển thị của tài khoản
2.	<i>Change my password</i>	Thay đổi mật khẩu của tài khoản
3.	<i>Remove my password</i>	Gỡ bỏ mật khẩu của tài khoản
4.	<i>Change my picture</i>	Thay đổi ảnh của tài khoản
5.	<i>Change my account type</i>	Thay đổi kiểu của tài khoản. Một tài khoản trong Windows phải thuộc một trong hai kiểu: <ul style="list-style-type: none"> ○ Tài khoản quản trị (Computer administrator): Có thể thay đổi các thiết lập liên quan đến hệ thống trong Windows, cài đặt mới hoặc gỡ bỏ các phần mềm trong Windows. ○ Tài khoản giới hạn (Limited): Chỉ có thể thay đổi được các thiết lập trong Windows trong phạm vi tài khoản của mình, không được phép cài đặt mới hoặc gỡ bỏ các phần mềm trong Windows.

2.3. Thay đổi các thiết lập vùng, ngày tháng

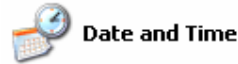
Để thay đổi các thiết lập về ngày tháng, thiết lập vùng địa lý, trong Control



Panel, bạn kích chuột vào biểu tượng

Một cửa sổ xuất hiện gồm các lựa chọn như sau:

- ➔ Change the date and time
- ➔ Change the format of numbers, dates, and times
- ➔ Add other languages



Stt	Biểu tượng	Ý nghĩa
1.	Change the date and time	Thay đổi ngày, giờ của hệ thống
2.	Change the format of numbers, dates, and times	Thay đổi định dạng số, ngày tháng, định dạng giờ
3.	Add other languages	Cài đặt thêm các ngôn ngữ khác cho Windows. Việc cài đặt này nhằm hiển thị các văn bản của ngôn ngữ đó trên Windows, các văn bản cần phải được soạn thảo bằng phông chữ Unicode.
4.	Regional and Language Options	Các thiết lập theo vùng địa lý và thiết lập ngôn ngữ.
5.	Date and Time	Thay đổi ngày, giờ của hệ thống

2. Cài đặt và gỡ bỏ phần mềm

2.1. Cài đặt phần mềm

Để một phần mềm chạy được trong môi trường Windows, thông thường phần mềm đó phải được tiến hành cài đặt (Install). Đa số các phần mềm đều có tệp cài đặt được đặt tên là **Setup.exe** hoặc **Install.exe**.

- ▶ Để cài đặt một phần mềm, bạn chỉ cần mở đĩa CD của phần mềm đó và chạy tệp **Setup.exe** hoặc tệp **Install.exe**
- ▶ Các bước tiếp theo bạn thực hiện theo hướng dẫn của phần mềm cài đặt. Thông thường, trong quá trình cài đặt bạn phải nhập vào mã số của phần mềm (Serial hoặc CD Key).

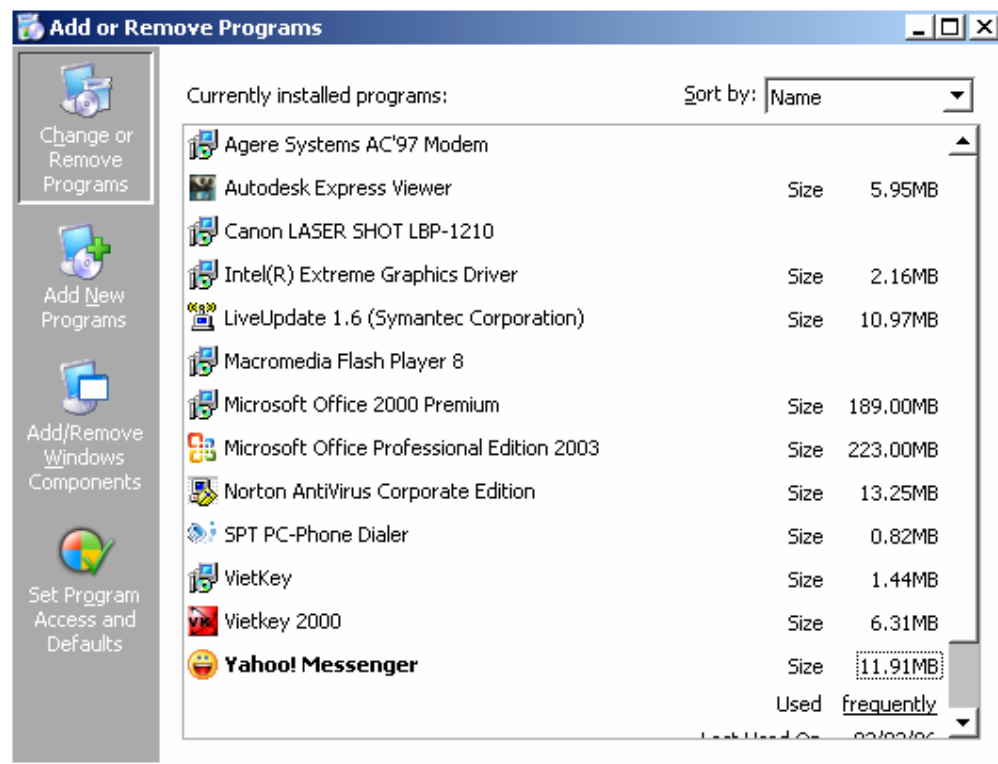
2.2. Gỡ bỏ phần mềm

Để xem danh mục các phần mềm đã được cài đặt trong máy tính của bạn, trong



Control panel, bạn kích chuột vào biểu tượng

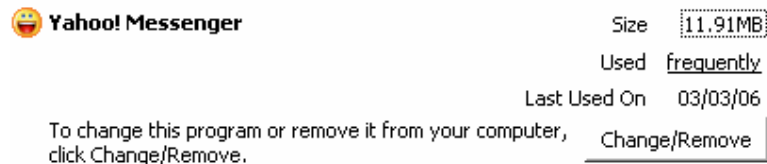
Một cửa sổ xuất hiện gồm các lựa chọn như sau:



Để gỡ bỏ một phần mềm đã được cài đặt, bạn thực hiện theo các bước sau:

- ▶ Kích chuột vào phần mềm cần gỡ bỏ.

Ví dụ, nếu bạn cần gỡ bỏ phần mềm CHAT của Yahoo, khi bạn kích chuột vào phần mềm này, nút **Change/Remove** sẽ xuất hiện như hình dưới:



- ▶ Bạn kích tiếp chuột vào nút **Change/Remove** để gỡ bỏ phần mềm.

Bài đọc thêm 3: Tối ưu hoá hoạt động của máy tính

1. Làm sạch ổ đĩa (Disk Cleanup)

Sau một thời gian sử dụng máy tính, truy cập Internet, các tệp tin "rác" sẽ tích tụ lại trong máy tính của bạn. Dung lượng của các tệp rác có thể lên đến vài trăm MB. Windows thường chứa các tệp rác trong các thư mục:

C:\Temp; C:\Windows\Temp. Ngoài ra, mỗi tài khoản cá nhân của Windows XP cũng được dành riêng 2 thư mục để chứa "rác".

Ví dụ: Tài khoản **quyensp** sẽ được dành riêng hai thư mục chứa rác là:

C:\Documents and Settings\quyensp\Local Settings\Temporary Internet Files

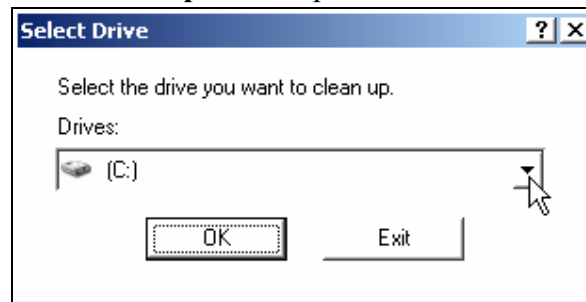
Và :

C:\Documents and Settings\quyensp\Local Settings\Temp

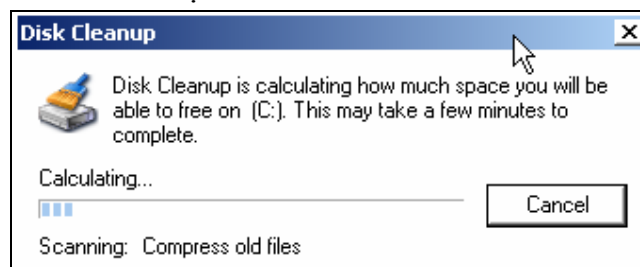
Trong đó, thư mục **Local Settings** là thư mục ẩn.

Để dọn dẹp "rác" trong máy tính của bạn, bạn thực hiện theo các bước sau:

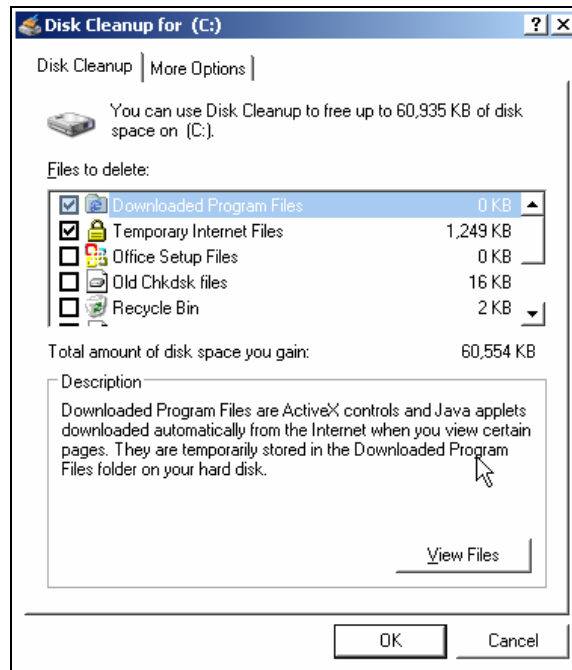
- ▶ Kích chuột vào nút Start và lần lượt chọn **All Programs \ Accessories \ System Tools \ Disk Cleanup**. Một hộp thoại xuất hiện như sau:



- ▶ Bạn chọn ổ đĩa cần dọn "rác" trong ô **Drivers** và kích chuột vào nút **OK**. Một hộp thoại tiến trình xuất hiện như sau:



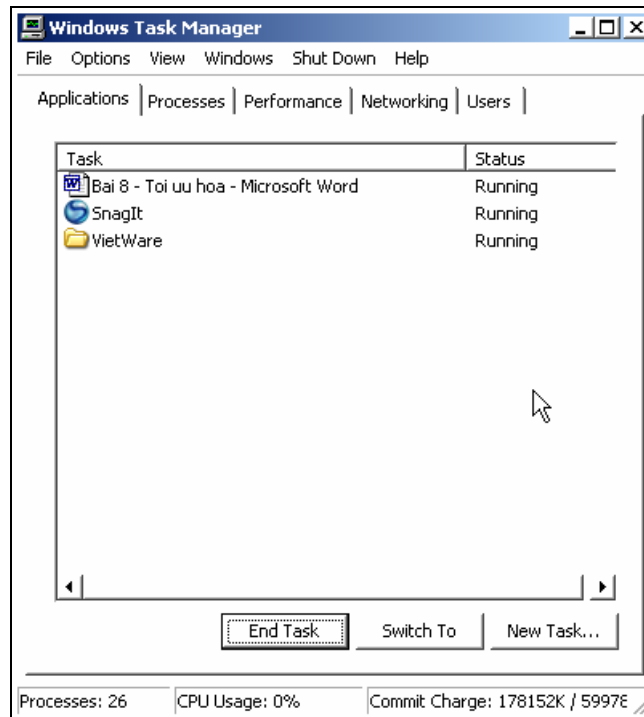
- ▶ Tiếp theo, một hộp thoại sẽ xuất hiện liệt kê các loại "rác" hiện có trong máy tính của bạn:



- ▶ Bạn kích chuột đánh dấu vào các loại rác trong hộp thoại, sau đó kích chuột vào nút OK để dọn "rác".

2. Tắt các ứng dụng bị treo

Để tắt các ứng dụng bị treo, nhấn tổ hợp phím Ctrl + Alt + Del, danh sách các phần mềm đang chạy sẽ xuất hiện trong hộp thoại sau:



- Đối với các chương trình đang chạy bình thường thì cột **Status** sẽ là **Running**
- Đối với các ứng dụng bị treo thì cột **Status** sẽ là **NoResponse**
- ▶ Để tắt ứng dụng bị treo, bạn kích chuột vào ứng dụng đó và kích tiếp chuột vào nút **End Task**